

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
TO BUÔNG

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
Phần các văn bản liên quan	2-3
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4-5
2. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017	6-7
3. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
4. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11-12
5. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13-27

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
TÔ BƯÔNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Cổ phần Thủy điện To Buông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5500378582 ngày 29 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Bàn Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
- Điện thoại : 0223 841 858
- Fax : 0223 841 857

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng lắp đặt, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm có cấp điện áp đến 500KV;
- Xây dựng các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Trần Văn Ngự	Thành viên	Ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Ngày 17 tháng 9 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Ngọc	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Quang	Thành viên	Ngày 17 tháng 9 năm 2013

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Tiến	Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hoàng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tiến
Ngày 14 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0229/18/tc-ac

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tín Tốc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.775.703.373	22.889.944.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.122.163.505	1.172.899.281
1. Tiền	111		3.122.163.505	1.172.899.281
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.673.432.645	20.731.840.054
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.181.805.018	2.735.266.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.868.625.000	8.279.476.460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.623.002.627	9.717.096.645
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		103.396.000	144.510.000
1. Hàng tồn kho	141	V.5	103.396.000	144.510.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.876.711.223	840.695.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.876.711.223	840.695.279
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tân Tốc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.752.723.380	207.901.553.679
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		257.998.665.083	199.808.010.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	257.998.665.083	199.808.010.397
<i>Nguyên giá</i>	222		271.848.798.296	204.937.458.110
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.850.133.213)	(5.129.447.713)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	7.920.252.805
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	7.920.252.805
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		754.058.297	173.290.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	754.058.297	173.290.477
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		285.528.426.753	230.791.498.293

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TỎ BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tin Tộc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		205.272.334.269	153.528.390.949
I. Nợ ngắn hạn	310		39.729.832.482	19.546.149.801
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	22.014.385.674	9.252.022.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	322.702.738	70.946.717
4. Phải trả người lao động	314		946.096.837	880.789.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.873.252.007	252.980.242
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	353.395.226	913.210.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	13.220.000.000	8.176.200.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		165.542.501.787	133.982.241.148
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	165.542.501.787	133.982.241.148
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tín Tốc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.256.092.484	77.263.107.344
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	80.256.092.484	77.263.107.344
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		256.092.484	(2.736.892.656)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.736.892.656)	(2.736.892.656)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.992.985.140	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.528.426.753	230.791.498.293

Người lập biểu

Kế toán trưởng

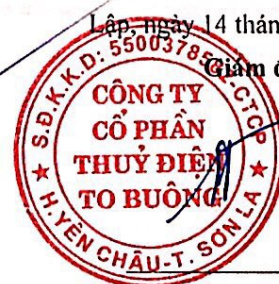
Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Giám đốc

Nguyễn Thọ Hoàng

Nguyễn Thọ Hoàng

Phạm Văn Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tốc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	35.803.286.164	15.578.563.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.803.286.164	15.578.563.504
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.430.801.112	8.263.279.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.372.485.052	7.315.283.584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.534.054	44.156.386
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.368.930.352	8.001.392.513
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.325.338.732	7.953.928.591
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.433.095.983	1.714.230.629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.585.992.771	(2.356.183.172)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	593.007.631	380.709.484
13. Lợi nhuận khác	40		(593.007.631)	(380.709.484)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.992.985.140	(2.736.892.656)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.992.985.140	(2.736.892.656)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	528	(483)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Giám đốc

Nguyễn Thọ Hoàng

Nguyễn Thọ Hoàng

Phạm Văn Tiến

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TỎ BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tín Tộc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.992.985.140	(2.736.892.656)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.720.685.500	5.129.447.713
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	47.463.922
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(31.516.667)
- Chi phí lãi vay	06		11.325.338.732	7.953.928.591
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.039.009.372	10.362.430.903
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.977.608.535)	4.951.559.768
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.114.000	(144.510.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.571.620.294	904.755.723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(580.767.820)	(26.845.693)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.757.076.345)	(7.825.948.349)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.336.290.966	8.221.442.352
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(58.991.087.381)	(93.150.825.632)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	31.516.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.991.087.381)	(89.119.308.965)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tín Túc, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	40.380.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	304.848.660.639	42.811.994.392
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(268.244.600.000)	(2.725.400.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.604.060.639	80.466.594.392
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.949.264.224	(431.272.221)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	1.172.899.281	1.604.171.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	3.122.163.505	1.172.899.281

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Giám đốc

Nguyễn Thọ Hoàng

Nguyễn Thọ Hoàng

Phạm Văn Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thủy điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện To Buông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 11 năm 2017, công trình thủy điện Đông Khùa đã hoàn thành và phát điện thương mại.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 34 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 36 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tân Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm công trình... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35	10 - 30
Máy móc và thiết bị	6 - 20	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30	6 - 25

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tín Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	36.687.848	265.773.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.085.475.657	907.125.831
Cộng	3.122.163.505	1.172.899.281

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán điện của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		<i>5.384.718.210</i>
Công ty cổ phần Sông Đà 11		5.384.718.210
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1.868.625.000</i>	<i>2.894.758.250</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư Hoàng Minh	1.868.625.000	
Các nhà cung cấp khác		2.894.758.250
Cộng	1.868.625.000	8.279.476.460

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long			192.951.972	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.623.002.627			
Tạm ứng	9.521.325.187		9.394.333.606	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	101.677.440		129.811.067	
Cộng	9.623.002.627		9.717.096.645	

5. Hàng tồn kho

Là công cụ dụng cụ

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	19.967.221	173.290.477
Chi phí bảo hiểm công trình	181.663.199	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	552.427.877	
Cộng	754.058.297	173.290.477

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	96.147.378.592	89.428.767.263	19.361.312.255	204.937.458.110
Mua trong năm			430.256.755	430.256.755
Đầu tư XD CB hoàn thành	11.976.462.952	28.891.062.341	25.613.558.138	66.481.083.431
Số cuối năm	153.098.711.937	118.319.829.604	430.256.755	271.848.798.296
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Chờ thanh lý				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.762.399.405	2.976.933.909	390.114.399	5.129.447.713
Khấu hao trong năm	3.182.523.352	4.698.991.062	839.171.086	8.720.685.500
Số cuối năm	4.944.922.757	7.675.924.971	1.229.285.485	13.850.133.213
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	94.384.979.187	86.451.833.354	18.971.197.856	199.808.010.397
Số cuối năm	103.178.918.787	110.643.904.633	44.175.841.663	257.998.665.083
<i>Trong đó:</i>				

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tín Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Tạm thời chưa sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 191.597.609.725 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 66.024.580.695 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	7.920.252.805	58.560.830.626	(66.481.083.431)	
<i>Công trình thủy điện Đông Khùa</i>	7.920.252.805	58.560.830.626	(66.481.083.431)	
Cộng	7.920.252.805	58.560.830.626	(66.481.083.431)	

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.931.043.310</i>	<i>5.228.477.363</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	15.931.043.310	5.228.477.363
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>6.083.342.364</i>	<i>4.023.544.980</i>
Doanh nghiệp Tư nhân Yên Cường	4.445.375.956	
Các nhà cung cấp khác	1.637.966.408	4.023.544.980
Cộng	22.014.385.674	9.252.022.343

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.307.952.830	(1.307.952.830)	
Thuế thu nhập cá nhân		37.330.609	(37.330.609)	
Thuế tài nguyên	70.946.717	2.431.111.773	(2.360.388.772)	141.669.718
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		756.926.804	(575.893.784)	181.033.020
Cộng	70.946.717	4.536.322.016	(4.284.565.995)	322.702.738

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TỎ BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 24121000139 ngày 03 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu (từ năm 2016 đến năm 2030), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Nhà máy thủy điện Tỏ Buông đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, tuy nhiên chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên phục vụ sản xuất thủy điện với mức thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 là 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.873.252.007	252.980.242
Chi phí lãi vay phải trả	2.696.242.629	127.980.242
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	177.009.378	125.000.000
Cộng	2.873.252.007	252.980.242

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		500.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	353.395.226	413.210.819
Kinh phí công đoàn		38.300.000
Bảo hiểm xã hội	55.627.415	125.475.261
Bảo hiểm y tế		16.956.394
Bảo hiểm thất nghiệp		7.536.164
Thủ lao HĐQT, BKS	189.000.000	216.000.000
Tiền chậm trả bảo hiểm	36.727.336	
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	72.040.475	8.943.000
Cộng	353.395.226	913.210.819

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****13a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	10.620.000.000	
Vay Công ty Cổ phần Sông Đà 11 ⁽ⁱ⁾	10.620.000.000	
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.600.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	2.600.000.000	8.176.200.000
Cộng	13.220.000.000	8.176.200.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Sông Đà 11 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,6%, thời hạn vay 1 năm.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	8.176.200.000	
Số tiền vay phát sinh	144.670.000.000	
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	2.600.000.000	8.176.200.000
Số tiền vay đã trả	(142.226.200.000)	
Số cuối năm/kỳ	13.220.000.000	8.176.200.000

13b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	165.542.501.787	133.982.241.148
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên		125.368.400.000
Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Láng Hạ ⁽ⁱ⁾	38.792.501.787	8.613.841.148
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	126.750.000.000	
Cộng	165.542.501.787	133.982.241.148

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số để thanh toán các chi phí phát sinh hình thành nên giá trị tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Đông Khùa do Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường đầu tư với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng 01 lần, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là nhà máy thủy điện Đông Khùa (xem thuyết minh số V.7).
- (ii) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 35/16/NHNT ngày 28/12/2016, tổng số tiền vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay cho vay hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án nhà máy

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bàn Tín Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thủy điện To Buông. Lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 3%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của tài sản là nhà máy thủy điện To Buông (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.600.000.000	8.176.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	56.550.000.000	54.508.000.000
Trên 5 năm	108.992.501.787	79.474.241.148
Cộng	168.142.501.787	142.158.441.148

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	133.982.241.148	102.071.846.756
Số tiền vay phát sinh	160.178.660.639	42.811.994.392
Số tiền vay đã trả	(126.018.400.000)	(2.725.400.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(2.600.000.000)	(8.176.200.000)
Số cuối năm	165.542.501.787	133.982.241.148

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	33.120.000.000		33.120.000.000
Số vốn cổ đông góp bằng tiền	6.500.000.000		6.500.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	40.380.000.000		40.380.000.000
Lợi nhuận trong năm trước		(2.736.892.656)	(2.736.892.656)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	(2.736.892.656)	77.263.107.344
Lợi nhuận trong năm		2.992.985.140	2.992.985.140
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	256.092.484	80.256.092.484

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	56.000.000.000	56.000.000.000
Ông Nguyễn Sơn – Đại diện cho các cổ đông là cá nhân	12.266.670.000	12.266.670.000
Ông Trần Văn Ngự – Đại diện cho các cổ đông là cá nhân	11.733.330.000	11.733.330.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	56.000.000.000	70,00%	56.000.000.000	
Ông Nguyễn Sơn – Đại diện cho các cổ đông là cá nhân	12.266.670.000	15,33%	12.266.670.000	
Ông Trần Văn Ngu – Đại diện cho các cổ đông là cá nhân	11.733.330.000	14,67%	11.733.330.000	
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	

14c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán điện thương phẩm.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hoạt động sản xuất điện.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		31.516.667
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.534.054	12.639.719
Cộng	15.534.054	44.156.386

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.325.338.732	7.953.928.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	791.620	47.463.922
Phí trả vay trước hạn	3.042.800.000	
Cộng	14.368.930.352	8.001.392.513

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.444.461.178	1.037.255.645
Chi phí vật liệu quản lý	140.754.999	192.716.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.016.006	65.301.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.782.092	
Thuế, phí và lệ phí	9.663.797	1.086.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.704.410	116.997.573
Các chi phí khác	500.713.501	300.873.816
Cộng	2.433.095.983	1.714.230.629

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ thiệt hại hoa màu do nước tràn	536.275.294	315.169.884
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	54.797.000	
Chi phí khác	1.935.337	65.539.600
Cộng	593.007.631	380.709.484

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.992.985.140	(2.736.892.656)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.992.985.140	(2.736.892.656)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.670.406	5.670.406
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	528	(483)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.909.707.745	502.491.635
Chi phí nhân công	2.370.233.999	2.150.699.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.720.685.500	5.129.447.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.880.315	116.997.573
Chi phí khác	4.064.389.536	2.077.873.978
Cộng	17.863.897.095	9.977.510.549

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TÔ BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban giám đốc	543.109.276	456.117.028
Thù lao Hội đồng quản trị	132.000.000	162.000.000
Cộng	675.109.276	618.117.028

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Chi nhánh 11.1	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con cùng Công ty mẹ

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Chi phí xây dựng cơ bản phải trả	33.015.304.581	15.238.722.809
Trà gốc vay	134.550.000.000	
Chi phí bảo hộ lao động		144.510.000
Nhận tiền vay vốn lưu động	144.670.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TO BUÔNG

Địa chỉ: Bản Tín Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thanh toán công nợ		13.610.135.541
Ứng trước tiền khối lượng xây lắp		5.384.718.210
Bù trợ công nợ		5.013.525.334
Tiền lãi vay phải trả	1.430.790.210	
Thu gốc cho vay		4.000.000.000
Nhận tiền góp vốn		34.380.000.000
Mua vật tư	12.180.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Chi nhánh 11.1		
Chi phí xây dựng cơ bản phải trả		10.931.341.477
Thanh toán công nợ		10.300.000.000
Bù trợ công nợ		4.701.525.334
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11		
Thăng Long		
Mua sắm TSCĐ	430.256.755	
Bù trừ công nợ	192.951.972	
Chi phí xây dựng cơ bản phải thu theo quyết toán lại		175.410.884

6. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số IV.8). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay tăng 2.134.238.976VND.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thọ Hoàng

Nguyễn Thọ Hoàng

Phạm Văn Tiến